

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/KDTM-ST
Ngày: 08/02/ 2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Xuân Thủy – Giám đốc Trung tâm dịch vụ việc làm thành phố Châu Đốc.
2. Bà Ngô Thị Lệ Thi – Cán bộ Tư pháp Hộ tịch phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Tư, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 11/2017/TLST - KDTM ngày 15/11/2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-KDTM ngày 30 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL; địa chỉ trụ sở: số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường A, thành phố B, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trương Thị Thu T, sinh năm 1984, chức vụ: Quyền Giám đốc Ngân hàng TMCP KL – Phòng giao dịch C; đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 1334/UQ-NHKL ngày 23/9/2017).

2. ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1978 và bà Trương Thị Mộng T1, sinh năm 1982; cùng địa chỉ thường trú: ấp Vĩnh Phước, xã V, huyện D, tỉnh An Giang.

Bà T có mặt tại phiên tòa; ông Th và bà T1 vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Trương Thị Thu T trình bày, ngày 18/4/2013, Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL và ông Nguyễn Văn Th và bà Trương Thị Mộng T1 có ký kết hợp đồng tín dụng số TD2750/HĐTD ngày 18/4/2013, ông Th và bà T1 vay vốn gốc 120.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng; thỏa thuận thời hạn vay 13 tháng, thanh toán vốn một lần vào ngày hết hạn cho vay; lãi suất 1,45%/tháng, được điều chỉnh 06 tháng/lần, lãi suất quá hạn là 2,175 (bằng 150% lãi suất trong hạn). Từ ngày chuyển nợ quá hạn ngày 23/5/2014 đến nay không điều chỉnh lãi.

Ông Th và bà T1 không thanh toán tiền lãi và vốn theo thỏa thuận. Đến ngày 21/5/2014, ông Th và bà T1 thanh toán lãi trong hạn 21.000.000 đồng (tính từ ngày 22/4/2013 đến ngày 21/5/2014) với lãi suất áp dụng 1,45%/tháng, theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ông Th và bà T1 còn nợ Ngân hàng: **Vốn gốc: 120.000.000 đồng**; lãi trong hạn 54.333 đồng (ngày 22/5/2014); lãi quá hạn 110.514.000 đồng (tính từ ngày 23/5/2014 đến ngày 08/02/2018), tổng cộng lãi 110.568.333 đồng. Để đảm bảo cho số tiền vay, ông Th đã thế chấp cho Ngân hàng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 4.773m²; thửa số 583, 1262, 1263; tờ bản đồ 03; số 022349 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú cấp ngày 17/5/2001 mang tên Nguyễn Văn Th, đất tọa lạc tại ấp Mỹ Quý, xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, theo hợp đồng thế chấp số TD 2750/HĐTC ngày 18/4/2013.

Nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn Th và bà Trương Thị Mộng T1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL vốn gốc **120.000.000 đồng** và lãi tổng cộng 110.568.333 đồng như đã trình bày trên; tiền lãi phát sinh sau ngày 08/02/2018 với lãi suất theo hợp đồng tín dụng số TD2750/HĐTD ngày 18/4/2013. Duy trì hợp đồng thế chấp số TD 2750/HĐTC ngày 18/4/2013 để đảm bảo thi hành án.

Đồng thời, nguyên đơn cung cấp tài liệu chứng cứ là hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, các bảng chiết tính tiền lãi.

- Theo các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, đồng bị đơn ông Nguyễn Văn Th và bà Trương Thị Mộng T1 khai, thống nhất với lời khai của nguyên đơn về khoản vay **120.000.000 đồng**, mục đích vay, lãi suất, thời hạn vay đúng như nguyên đơn trình bày. Để đảm bảo cho khoản vay, ông Th đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 4.773m²; thửa số 583, 1262, 1263; tờ bản đồ 03; số 022349 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú cấp ngày 17/5/2001 mang tên Nguyễn Văn Th; tọa lạc ấp Mỹ Quý, xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (theo hợp đồng thế chấp số TD 2750/HĐTC

ngày 18/4/2013). Đồng bị đơn khai nhận, từ ngày nhận tiền vốn đến khi nguyên đơn khởi kiện, đồng bị đơn chưa thanh toán vốn cho nguyên đơn, có thanh toán 21.000.000 đồng lãi trong hạn (tính từ ngày 22/4/2013 đến ngày 21/5/2014) với lãi suất áp dụng 1,45%/tháng. Đồng bị đơn khai nhận còn nợ nguyên đơn vốn: 120.000.000 đồng, lãi trong hạn 54.333 đồng (ngày 22/5/2014), lãi quá hạn 95.110.500 đồng (tính từ ngày 22/5/2014 đến ngày 02/8/2017), lãi phạt chậm trả: 28.063 đồng; tổng cộng 215.196.537 đồng. Xin hẹn đến ngày 01/3/2018 sẽ trả đủ. Xin Ngân hàng không tính lãi trong hạn, quá hạn và lãi phạt; đồng ý duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa, đồng bị đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bà T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu tính phí phạt chậm trả.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng pháp luật. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về giải quyết vụ án, Hợp đồng tín dụng và thế chấp giữa Ngân hàng TMCP KL với ông Nguyễn Văn Th và bà Trương Thị Mộng T1 được ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, do ông Th và bà T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vốn và lãi đến hạn theo hợp đồng đã ký kết nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền nợ vốn, lãi và duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ như trên là có căn cứ, phù hợp phù hợp quy định tại các Điều 91, Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đồng bị đơn ông Th và bà T1 xin trả vốn gốc, không tính lãi, nhưng không được Ngân hàng chấp nhận nên không có cơ sở xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

- Thẩm quyền: Nguyên đơn có khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với đồng bị đơn là ông Nguyễn Văn Th và bà Trương Thị Mộng T1; đồng bị

đơn có địa chỉ ấp Vĩnh Phước, xã V, huyện D, tỉnh An Giang; nơi thực hiện hợp đồng tại Ngân hàng TMCP KL – phòng giao dịch thành phố C. Xét, đây là tranh chấp phát sinh từ giao dịch hợp đồng, nguyên đơn có quyền lựa chọn Tòa án nơi thực hiện hợp đồng giải quyết vụ án nên quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

- Thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn với đồng bị đơn ký kết ngày 18/4/2013, thời hạn vay 13 tháng kể từ ngày 18/4/2013 đến ngày 18/5/2014. Đồng bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán vốn và lãi tại Điều 3 của hợp đồng tín dụng số TD2750/HĐTD ngày 18/4/2013. Tại biên bản làm việc ngày 17/02/2017 và biên bản làm việc ngày 18/01/2017, ông Th và bà T1 cam kết thời gian 01 tháng sẽ thanh toán nợ nhưng không thực hiện. Ngày 20/10/2017, nguyên đơn khởi kiện là còn thời hiệu tại Điều 319 Luật Thương mại năm 2005, Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

- *Về sự vắng mặt của đương sự:* Ông Nguyễn Văn Th và bà Trương Thị Mộng T1 có yêu cầu xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[1] Về hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số TD2750/HĐTD ngày 18/4/2013 giữa nguyên đơn với đồng bị đơn được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

[2] Về vốn vay:

Biên bản lấy lời khai ông Th ngày 17/11/2017 và biên bản ghi nhận lời khai bà T1 ngày 23/01/2018 khai nhận có vay của nguyên đơn vốn 120.000.000 đồng, còn nợ nguyên đơn vốn 120.000.000 đồng, phù hợp theo đơn khởi kiện, bản tự khai, bản tự khai bổ sung, trình bày tại phiên tòa cùng tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Nguyên đơn yêu cầu đồng bị đơn trả vốn gốc 120.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 (Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005). Xét chấp nhận.

[3] Về tiền lãi: Theo biên bản lời khai ngày 17/11/2017 của ông Th và biên bản lời khai ngày 23/01/2018 của bà T1 khai nhận, ngày 21/5/2014, ông Th và bà T1 thanh toán 21.000.000 đồng lãi trong hạn (tính từ ngày 22/4/2013 đến ngày 21/5/2014) với lãi suất áp dụng 1,45%/tháng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Nguyên đơn yêu cầu đồng bị đơn trả tiền lãi 110.568.333 đồng (trong đó: lãi trong hạn 54.333 đồng (ngày 22/5/2014); lãi quá hạn 110.514.000 đồng (tính

từ ngày 23/5/2014 đến ngày 08/02/2018) theo bảng kê chiết tính lãi suất do nguyên đơn cung cấp là phù hợp với khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng. Xét chấp nhận.

Đối với phí phạt chậm trả, tại phiên tòa bà T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu, xét không đề cập đến.

[4] Buộc đồng bị đơn phải có trách nhiệm trả vốn gốc và tiền lãi cho nguyên đơn, cụ thể:

- Tiền lãi: 110.568.333 (một trăm mười triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng (trong đó, lãi trong hạn 54.333 đồng (ngày 22/5/2014); lãi quá hạn 110.514.000 đồng (tính từ ngày 23/5/2014 đến ngày 08/02/2018)).

- Vốn gốc: 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu) đồng.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đồng bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay”.

Đồng bị đơn xin hẹn đến ngày 01/3/2018 sẽ trả đủ vốn, yêu cầu không tính lãi trong hạn, quá hạn nhưng không được nguyên đơn đồng ý là không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, xét không chấp nhận.

Tuy nhiên, cách trả sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

[5] Về tài sản thế chấp, để đảm bảo cho khoản vay, đồng bị đơn đã ký hợp đồng thế chấp tài sản số TD 2750/HĐTC ngày 18/4/2013 với nguyên đơn (tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích 4.773m²; thửa số 583, 1262, 1263; tờ bản đồ 03; số 022349 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú cấp ngày 17/5/2001 mang tên Nguyễn Văn Th, tọa lạc tại ấp Mỹ Quý, xã M, huyện B, tỉnh An Giang). Đồng bị đơn có lời khai, đồng ý duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo thi hành án theo yêu cầu của nguyên đơn. Xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[6] Về án phí, đồng bị đơn phải chịu 11.528.500 đồng (của số tiền 230.568.333 đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 (Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005); khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP KL;

- Buộc ông Nguyễn Văn Th và bà Trương Thị Mộng T1 liên đới có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP KL:

- Tiền lãi: 110.568.333 (một trăm mười triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng (trong đó, lãi trong hạn 54.333 đồng (ngày 22/5/2014); lãi quá hạn 110.514.000 đồng (tính từ ngày 23/5/2014 đến ngày 08/02/2018)).

- Vốn gốc: 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Thuận, bà T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

- Duy trì hợp đồng thế chấp tài sản số TD 2750/HĐTC ngày 18/4/2013 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP KL với ông Nguyễn Văn Thuận.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn Th và bà Trương Thị Mộng T1 phải chịu 11.528.500 (mười một triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn năm trăm) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP KL không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP KL 5.380.000 (năm triệu ba trăm tám mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2015/0014818 ngày 05 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đức.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Ngân hàng TMCP KL có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Th và bà Trương Thị Mộng T1 là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TP (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TP (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Bạch Tuyết